TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2024

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hồng Hạnh**

Ông **Hà Thanh Tuấn**

***- Thư ký phiên toà*:** Bà **Nguyễn Thị Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Văn Trường** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T,** sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Trần Văn H**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Nguyễn Thị T có mặt, ông Trần Văn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H xây dựng gia đình với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 02/6/2006. Trong

cuộc sống vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông H có tính cách gia trưởng, thường xuyên đánh đập bà T nên bà T và ông H đã sống ly thân. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông H, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung là Trần Thị Diệu Á, sinh ngày 16/6/2007 và Trần Thị Diệu L, sinh ngày 05/3/2011. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và yêu cầu ông Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) một tháng cho cả hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 02/6/2006. Quá trình chung sống ông bà hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau dẫn đến xô xát. Ông H đã cố gắn hàn gắn tình cảm với bà T nhưng không thành, hiện nay vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã không còn sinh hoạt chung khoảng hơn một năm nay. Ông H muốn vợ chồng đoàn tụ để lo cho các con nhưng bà T cương quyết yêu cầu ly hôn nên ông Hòa đồng Ý giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định có 02 con chung là Trần Thị Diệu Á, sinh ngày 16/6/2007 và Trần Thị Diệu L, sinh ngày 05/3/2011. Khi ly hôn ông Hòa đồng Ý giao cả hai con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông Hòa đồng Ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) một tháng.

Về tài sản chung ông bà sẽ tự thỏa thuận giải quyết, về nợ chung không có nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông H không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt. Vì vậy, Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được ly hôn với ông H, yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Xử cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H được ly hôn. Giao con là Trần Thị Diệu Á, sinh ngày 16/6/2007 và Trần Thị Diệu L, sinh ngày 05/3/2011 cho bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Trần Văn H vắng mặt nhưng ông H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt ông H là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H xây dựng gia đình với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định vào ngày 02/6/2006 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H đều xác định ông bà phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 do vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm sống nên không được hòa thuận. Tại phiên tòa, bà T xác định ông H hay đánh đập bà T nên mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, bà T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, còn trong lời khai của mình ông H mong muốn bà T suy nghĩ lại nhưng nếu bà T cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, qua xác minh thực tế tại địa phương thì được biết ông H bà T phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022 do ông bà không hợp nhau nên ông bà thường hay xung đột, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải cho các bên nhưng ông H đều vắng mặt, chứng tỏ ông H cũng không có thiện chí để cải thiện quan hệ vợ chồng. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận

đơn xin ly hôn của bà T, xử cho bà T và ông H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H có hai con chung là Trần Thị Diệu Á, sinh ngày 16/6/2007 và Trần Thị Diệu L, sinh ngày 05/3/2011. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, các con ông bà đều là con gái và đều đã trên 07 tuổi trình bày nguyện vọng được sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Ông H lại hay đi làm xa nên việc chăm sóc, đưa đón con có phần hạn chế hơn và trong lời khai của mình ông H cũng đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, để các con ổn định nơi ở, nơi học tập, có chị có em và để tránh xáo trộn tâm sinh lý của trẻ khi bố mẹ ly hôn nên cần giao cả hai con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T xác định bà nuôi con đảm bảo nên bà T không yêu cầu ông Trần Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, còn về nợ chung không có nên ông bà không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Buộc bà T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T, xử cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Trần Thị Diệu Á, sinh ngày 16/6/2007 và Trần Thị Diệu L, sinh ngày 05/3/2011 cho bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005238 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2024) bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng ông Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trịnh Đoàn Hạnh Trang